

Số: 1107/TĐC - HCHQ

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2020

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận:

1. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia.

Địa chỉ: Số 65 Phạm Thận Duật, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội;

Điện thoại: 024.39714512 - Fax: 024.39716140;

Email: qlclnifc@gmail.com;

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực:
Hóa học, sinh học (Phụ lục danh mục sản phẩm, hàng hóa kèm theo).

2. Số đăng ký: 111/TN – TĐC.

3. Giấy chứng nhận cấp lần chín và có hiệu lực đến ngày 13/11/2022./.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia;
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Lưu: VT, HCHQ.

T. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG





Phụ lục

DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số: 1107 /TĐC - HCHQ ngày 16 /4 /2020
của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
I	Lĩnh vực: Sinh học		
1.	Nước rửa tay	Khả năng diệt khuẩn	NIFC.06.M.483 (BS EN 1500:2013)
2.	Chất sát khuẩn/điệt khuẩn	Khả năng diệt khuẩn	NIFC.06.M.478 (EN 1276:2019)
3.		Thử nghiệm tính kháng khuẩn trên <i>Staphylococcus aureus</i> Phương pháp pha loãng	NIFC.06.M.484 (AOAC 955.15-2013)
4.		Thử nghiệm tính kháng khuẩn trên <i>Samonella enterica</i> Phương pháp pha loãng	NIFC.06.M.485 (AOAC 955.14-2013)
5.		Thử nghiệm tính kháng khuẩn trên <i>Pseudomonas aeruginosa</i> Phương pháp pha loãng	NIFC.06.M.486 (AOAC 964.02-2013)
6.		Xác định khả năng kháng khuẩn của vải Phương pháp vệt song song	NIFC.06.M.480 (AATCC TM 147-2011)
7.	Vải	Thử nghiệm tính kháng khuẩn trên vật liệu vải dệt hoàn thiện	NIFC.06.M.479 (AATCC TM 100-2019)
8.		Thử nghiệm tính kháng khuẩn trên vải	NIFC.06.M.481 (JIS L 1902-2015)
9.	Thực phẩm, sữa và sản phẩm sữa, thực phẩm chức năng, thực phẩm	Phát hiện <i>Listeria monocytogenes</i> trong thực phẩm bằng kỹ thuật Real	NIFC.06.M.334



TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
	bảo vệ sức khỏe	time PCR	
II Lĩnh vực: Hóa học			
10.	Tinh bột biến tính	Xác định hàm lượng Adipat trong tinh bột biến tính	NIFC.02.M.107
11.	Thực phẩm	Xác định hàm lượng Acid ellagic bằng HPLC	NIFC.02.M.111
12.	Quế và sản phẩm bổ sung quế	Xác định hàm lượng một số thành phần trong quế bằng HPLC	NIFC.02.M.113
13.	Phụ gia thực phẩm	Xác định hàm lượng 5-Benzyl-3,6-dioxo-2-piperazine acetic acid	NIFC.02.M.114
14.		Xác định hàm lượng Natri algilat bằng HPLC	NIFC.02.M.122
15.	Gia vị	Xác định hàm lượng tinh dầu bằng cất cuốn hơi nước	NIFC.02.M.115
16.	Nước sát khuẩn	Xác định hàm lượng Chlorhexidine Gluconate	NIFC.02.M.119
17.	Nước thải	Xác định hàm lượng cặn	NIFC.02.M.203 (TCVN 4560:1988)
18.	Nước ăn uống, nước sinh hoạt, nước ngầm, nước thải	Xác định hàm lượng amoni	SMEWW 4500 NH ₃ F:2017
19.	Thực phẩm, thực phẩm bảo vệ sức khỏe	Xác định hàm lượng các nguyên tố kim loại (Pb, Cd, As, Hg, Sn, Sb, Ni, Co, Ni, Cr, Cu, Mo, Se, Mn, Fe, Al, Zn, Na, K, Ca, Mg, P) Phương pháp ICP-MS	NIFC.03.M.65 (Ref: AOAC 2015.01; AOAC 2015.06)
20.	Nước ăn uống, nước sinh hoạt, nước ngầm, nước biển, nước thải	Xác định hàm lượng các nguyên tố kim loại (Pb, Cd, As, Hg, Sn, Sb, Co, Ni, Cr, Cu, Mo, Se, Mn, Fe, Zn, Al, B, Borat, Ag, Si, SiO ₂)	NIFC.03.M.66

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
		Phương pháp ICP-MS	
21.	Dung dịch sát khuẩn	Xác định hàm lượng Iodine	NIFC.03.M.53 (Ref. Dược điển Việt Nam V)
22.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Atrazine	Xác định hàm lượng hoạt chất Atrazine	TCVN 10161:2013
23.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Abamectin	Xác định hàm lượng hoạt chất Abamectin	TCVN 9475:2012
24.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Chlorothalonil	Xác định hàm lượng hoạt chất Chlorothalonil	TCVN 8145:2009
25.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Chlorfenapyr	Xác định hàm lượng hoạt chất Chlorfenapyr	TCVN 12475:2018
26.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Tebuconazole	Xác định hàm lượng hoạt chất Tebuconazole	TCVN 9482:2012
27.	Thuốc bảo vệ thực vật chứa Deltamethrin	Xác định hàm lượng hoạt chất Deltamethrin	TCVN 8750:2011

Ghi chú:

- Đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng áp dụng các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành, Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia phải tuân thủ các quy định của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực trước khi thực hiện hoạt động thử nghiệm;

- AOAC: Association of Official Analytical Chemists;

- AATCC: American Association of Textile Chemists and Colorists;

- BS: British Standard;

- EN: European Standard;

- JIS L: Japanese Industrial Standard for Textile Engineering;

- AOAC: Association of Official Analytical Chemists;

- NIFC.xxx: Phương pháp thử nghiệm nội bộ của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia./



